

VẤN ĐỀ THỜI CƠ TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

Trường hợp Nhật Bản

TRẦN VĂN LÝ

Thời cơ là vấn đề của mọi vấn đề kinh tế, nói cách khác, là nhân tố có tính quyết định rất lớn đối với sự thành bại của những dự án xây dựng và phát triển kinh tế, cho nên chớp thời cơ Trúng hay Trật luôn luôn là biểu hiện sự nhạy bén của những bộ óc kinh tế và sự linh hoạt của các tổ chức kinh tế. Trong lãnh vực Thương nghiệp của nền kinh tế thị trường, vấn đề thời cơ lại càng rõ nét hơn so với các ngành hoạt động khác.

Nhận ra được thời cơ đương đến phần lớn phải dựa vào công tác tiếp thị, kịp thời phát hiện những mặt yếu, mặt mạnh của thị trường để phát huy ưu thế của mình nhằm mau chóng chiếm lĩnh thị trường bằng những mặt hàng chủ yếu đáp ứng cho thị trường đương trong tình huống thiếu quân bình vì cung và cầu quá chênh lệch do những biến động của các nhân tố chủ quan hoặc khách quan, trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến kinh tế.

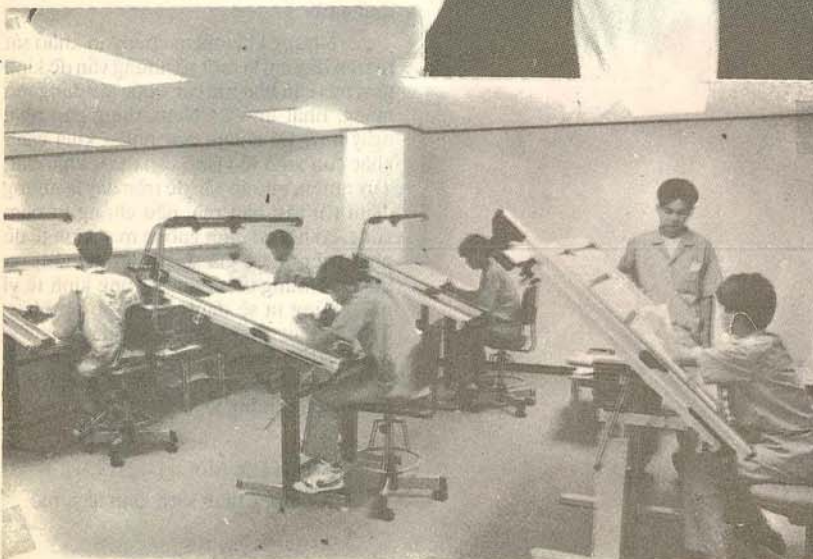
Trong phạm vi bài này, chúng tôi không có ý định đi sâu vào khoa tiếp thị (đó là thẩm quyền của ngành Marketing), mà chỉ muốn nêu ra một thí dụ có tính chất lịch sử về vấn đề thời cơ với sự phát triển kinh tế của Nhật Bản.

Sau khi Nhật đầu hàng, Tướng Mc. Arthur trong chức năng quản quân nước Nhật, đã có ý định đẩy nền kinh tế Nhật Bản trở lại thời kỳ kinh tế nông nghiệp nhỏ và tiểu công thương nghiệp với lý do là chính nền kinh tế trước Thế chiến II với những nhu cầu và tham vọng của bản thân nền kinh tế đó đã thúc đẩy chủ trương

chiến tranh của quân phiệt Nhật.

Bằng hai cái cách căn bản về mặt chính trị và kinh tế, Mc. Arthur đã cho ra đời bản Hiến Pháp (vẫn còn giá trị tới ngày nay) đưa nước Nhật vào khung cảnh sinh hoạt chính trị của chế độ đại nghị với biệt lệ dành cho một nước bại trận, như gạt bỏ hẳn ảnh hưởng của giới quân nhân trong sinh hoạt chính trị; ngoại trừ một lực lượng khoảng 130.000 quân để bảo vệ trị an trong nước, nước Nhật không được quyền có quân đội, có bộ quốc phòng, không được quyền tuyên chiến, không được mang quân đội ra nước ngoài v.v...

Về mặt kinh tế, luật cải cách ruộng đất đã thu tiêu chế độ đại nông nghiệp của



Nhật, ruộng đất được chia cho nông dân, mỗi hộ chỉ còn làm chủ một mảnh ruộng nhỏ. Các xí nghiệp công nghiệp nặng đều bị cấm hoạt động, hoặc giải thể vì có liên quan đến tội phạm chiến tranh.

Dắt chặt, người đồng, nông nghiệp sản xuất không đủ ăn, công-thương nghiệp đình chỉ hoạt động, các lãnh thổ thuộc địa bị mất hết cùng với những nguồn tài nguyên (Cao Ly, Đại Loan, Mãn Châu) và vốn liếng, đất nước đổ nát, nạn nhân chiến tranh đầy ứ lệ lết khắp nơi. Nước Nhật lại là nước đầu tiên bị bom nguyên tử, nạn nhân của bom nguyên tử đã đành, những người lãnh mạng cũng hoang mang lo sợ nạn phóng xạ. Tinh thần sụp đổ, oán thù trút vào đầu giới cựu quân nhân thất thế, những kẻ bị qui là nguyên nhân của sự sụp đổ nước Nhật. Trong 5 năm, từ 1945-1950, hoạt động kinh tế sôi nổi nhất là khu vực dịch vụ, chủ yếu là cung cấp dịch vụ cho quân đội chiếm đóng, nhưng khu vực dịch vụ của thời kỳ chiếm đóng càng hoang động mạnh thì càng làm đau lòng nước Nhật, càng hằn sâu những vết thương chiến tranh còn lở loét, vì tự bản thân những hoạt động của khu vực dịch vụ (Colin Clark gọi là khu vực thứ 3) đã hàm chứa những yếu tố hủy diệt nền văn hóa Nhật. Suốt năm năm bị đất đó, nước Nhật tưởng chừng như không có lối ra, nhưng một biến cố lịch sử to lớn đã lan tràn ảnh hưởng, rung động khắp vùng Châu Á Thái Bình Dương, riêng với nước Nhật biến cố đó lại là thời cơ quý giá để ra khỏi đêm dài tăm tối, đó là việc cách mạng Trung Quốc toàn thắng trên Hoa lục năm 1949.

Biến cố này đã làm Mỹ thay đổi chính sách, người Mỹ muốn phục hồi nước Nhật để tạo sự quân bình trong vùng. 1951, Hội nghị SAN FRANCISCO đã chấm dứt chính sách chiến: đóng, trả lại độc lập cho nước Nhật, đó chỉ mới là thời cơ chính trị, thời cơ kinh tế đến với nước Nhật là chiến tranh Triều Tiên.

Khi chiến tranh xảy ra, nước Nhật trở thành căn cứ quân sự khổng lồ của Mỹ, từ căn cứ này những lượt lính Mỹ trung chuyển qua lại nước Nhật đã là một nguồn ngoại tệ rất lớn, hoạt động dịch vụ càng phát triển mạnh hơn, nuôi sống rất nhiều ngành ăn uống, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng, giải trí v.v..., số thân nhân lính Mỹ đến thăm Nhật cũng gia tăng làm hoạt động du lịch thịnh vượng theo.

Trong khi đó, nước Nhật còn lại đội ngũ công nhân đông đảo có trình độ kỹ thuật cao, có kỹ thuật lao động, sẵn sàng nhận lương thấp, các nhà máy lớn tuy bị tàn phá nhưng phục hồi lại cũng không đến nỗi khó khăn như xây dựng một nhà máy mới.

Nhờ những ưu thế đó, guồng máy công nghiệp của Nhật đã thu hút ngay được những đơn đặt hàng của các xí nghiệp quốc phòng Mỹ. Nhật đã gia công các chi tiết hoặc chế tạo toàn bộ một số lớn các mặt hàng quân dụng cho Mỹ để đáp ứng kịp thời cho chiến tranh Triều Tiên đương sôi động.

Trong quá trình sản xuất, Nhật đã tiếp thu được các kỹ thuật mới mẻ, họ nghiên cứu phát huy thêm để hoàn chỉnh qui trình công nghệ, họ không phải chi tiêu cho những đầu tư về nghiên cứu phát minh, mà chỉ nghiên cứu ứng dụng, tốn kém tương đối ít.

Lương công nhân thấp, lại không có những vụ đình công, chi phí nghiên cứu ít, giá thành sản phẩm hạ, chất lượng lại không thua kém, đó là những yếu tố đã khẳng định những bước đi tiếp theo của các ngành công nghiệp Nhật trong thời kỳ sau thế chiến.

Những biến cố trên Hoa lục và chiến tranh Triều Tiên đã là thời cơ làm cho nền công thương nghiệp và tiểu thủ công nghiệp của Nhật đã cơ bản phục hồi.

Họ không bỏ quên nông nghiệp, không tìm cách phục hồi chế độ đại canh tác, chấp nhận tình trạng ruộng đất manh mún nhưng họ tìm ra hướng giải quyết khác. Những máy móc nông nghiệp, máy cày cày tay, máy nổ, máy bơm cỡ nhỏ, được chế tạo ra để sử dụng thích hợp với những thửa ruộng nhỏ, những loại xe chuyên chở cỡ nhỏ cũng được ra đời để phục vụ nông nghiệp (thí dụ loại xe lambretta 3 bánh thường được nông dân dùng chuyên chở nông sản). Cùng với việc cải tiến giống cây trồng, sử dụng phân bón v.v... năng suất tăng mạnh, đã bù lấp phần lớn lỗ hổng thiếu hụt lương thực do sự mất đi những nguồn nông sản của Mãn Châu, Cao Ly và Đài Loan, nước Nhật đã đứng dậy được.

Các doanh nhân Nhật coi những biến động chính trị, quân sự tại vùng Châu Á Thái Bình Dương của những thập niên 50, 60 là thời cơ tuyệt hảo để phát triển kinh tế. Họ theo dõi sát nút các biến cố quốc tế, họ theo chân các đoàn quân Mỹ để sục sạo tìm kiếm thị trường.

Dịp may cũng không bỏ họ, vào những thập niên nước Mỹ theo đuổi chiến lược be bờ, ngăn chặn sự phát triển của khối XHCN. Mỹ đàn áp quân khắp vùng Đông Nam Á và can thiệp ngày càng nhiều vào chiến tranh VN.

Vào cuối thập niên 60 và suốt thập niên 70 lúc chiến tranh VN lên cao nhất, Nhật Bản đã được hưởng trọn vẹn những lợi lộc của thời cơ này.

Quân đội Mỹ đến VN và các nước DNA đã mang đến một số ngoại tệ rất lớn, các nước liên hệ đã phải in ra một số tiền để đổi cho lính Mỹ. Số tiền tung ra thị trường đã gây ra nạn lạm phát kinh khủng vì khối lượng hàng hóa và khối tiền tệ lưu hành đã mất quân bình nghiêm trọng. Thêm vào đó, số người cung cấp dịch vụ cho quân đội Mỹ có thu nhập cao, càng làm số tiền lưu hành tăng thêm lên, tác phong tiêu dùng cũng thay đổi, nhiều nhu cầu mới nảy sinh.

Để tái lập lại sự quân bình giữa hàng và tiền, một vấn đề có quan hệ đến trật tự xã hội, những người cầm quyền lúc đó đã



có một quyết định là phải tăng khối lượng hàng hóa, để xóa bỏ lạm phát. Nhưng guồng máy sản xuất trong nước vốn yếu kém không thể đáp ứng được, như vậy là chỉ còn cách nhập hàng từ nước ngoài bằng số ngoại tệ thu được không do xuất khẩu, mà do quân đội Mỹ mang đến.

Nhật Bản vào lúc đó đã sẵn sàng cung cấp khối lượng hàng hóa nói trên. Họ đã có sẵn kế hoạch sản xuất và xuất khẩu, do sự tiếp thị rất chu đáo tỉ mỉ.

Những mặt hàng nhập vào miền Nam lúc đó chủ yếu là:

- Xe gắn máy, TV, tủ lạnh
- Các máy móc nông nghiệp
- Xe hơi, máy điều hòa không khí.
- Vải vóc - Đồng hồ, máy ảnh
- Và các mặt hàng tiêu dùng khác như đường, sữa, bánh kẹo, mì gói v.v...

Về sau lại thêm các mặt hàng điện tử và các loại máy gia dụng.

Hàng Nhật tràn ngập khắp vùng DNA, ngoại thương Nhật đã hưởng được những khoản xuất siêu rất lớn, khiến họ có thể cải tiến phẩm chất hàng hóa và hạ giá thành để xâm nhập và chinh phục thị trường Châu Âu và Mỹ.

Công nghiệp Nhật bắt đầu đứng dậy

từ việc gia công và chế tạo chi tiết của các mặt hàng quốc phòng cho Mỹ rồi chuyển qua các mặt hàng tiêu dùng cao cấp, đắt tiền đáp ứng đúng nhu cầu của các thị trường này sinh từ các biến động về lạm phát do chiến tranh gây ra. Hàng Nhật đã chặn đứng nạn lạm phát trong vùng. Những thu nhập cao đột xuất của một số quân chúng đã làm lượng tiền tệ lưu hành tăng lên quá mức và chỉ có khối lượng hàng không đủ của Nhật mới làm quân bình lại được.

Qua trường hợp nước Nhật, chúng ta thấy vấn đề nắm bắt và khai thác thời cơ một cách có hiệu quả sẽ quyết định sự thành bại của chiến lược phát triển kinh tế.

Sự thành công của kinh tế Nhật ngày nay là do sự theo dõi rất sát tình hình biến động quân sự, chính trị và kinh tế trên thế giới để phát hiện thời cơ. Khi phát hiện rồi thì họ không để lỡ và khai thác các cơ hội làm ăn một cách hết sức thực tế. Khi chiến sự ở Đông Dương trở nên ác liệt, quân Mỹ kéo tới ngày càng nhiều thì cũng là lúc Nhật đã nghiên cứu tỉ mỉ những gì sẽ xảy ra về mặt kinh tế để có kế hoạch thu "chiến lợi phẩm" kinh tế một cách khéo léo.

Tất cả chỉ là biết nắm thời cơ mà thôi.

TVL